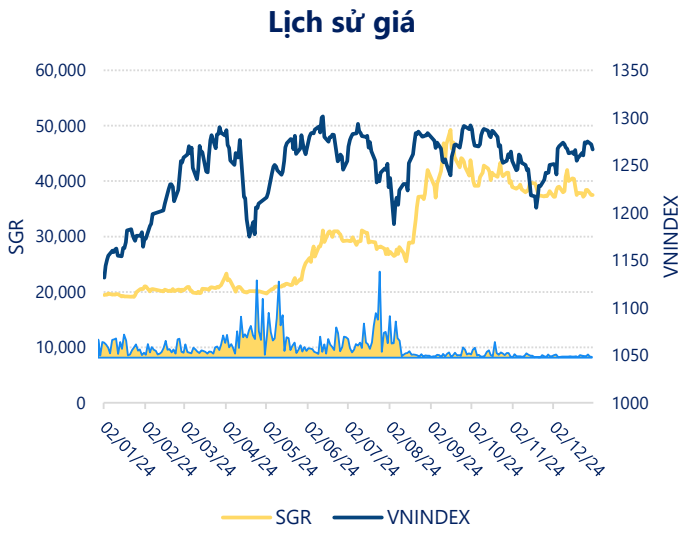
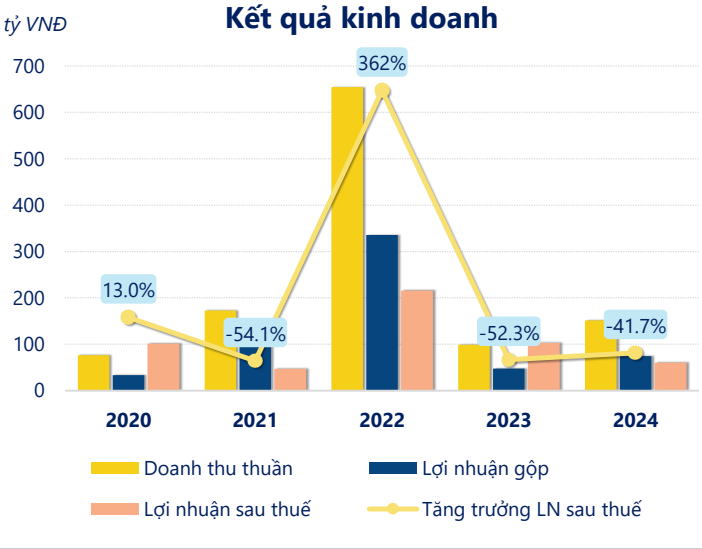
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	37,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	-4.2%	31.6%

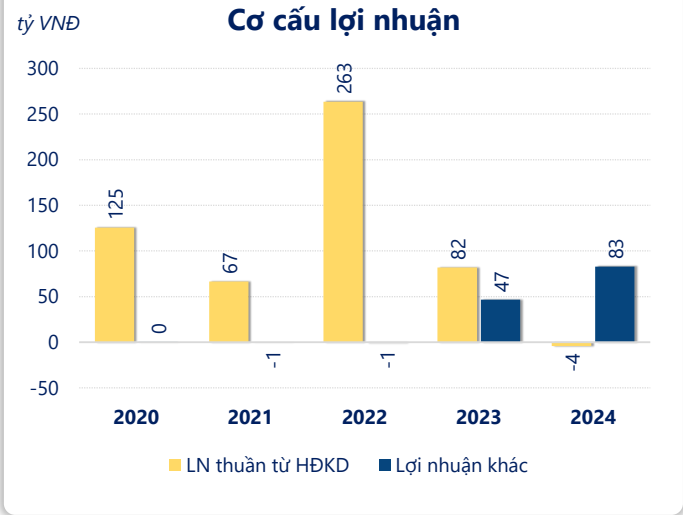
	2024	YoY
DT thuần	151 *tỷ VNĐ*	▲ 51.8 ▲ 52.7%
LN gộp	74.6 *tỷ VNĐ*	▲ 26.8 ▲ 56.1%
LN thuần	-4.25 *tỷ VNĐ*	▼ 86.1 ▼ 105%
LN sau thuế	60.1 *tỷ VNĐ*	▼ 42.9 ▼ 41.7%
ROE	6.3%	+/- YoY ▼ 5.1%
ROA	2.8%	+/- YoY ▼ 2.3%

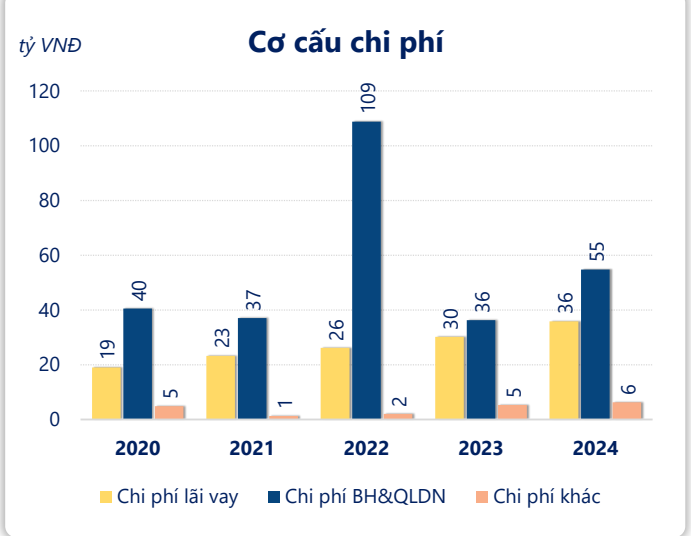




Kết quả kinh doanh **SGR** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 52.7%** đạt **151.5** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 41.7%** chỉ còn **60.11** tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **6.26%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

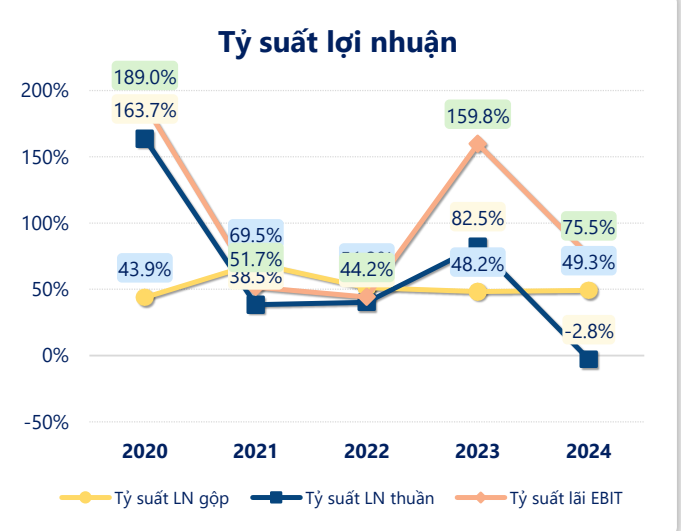


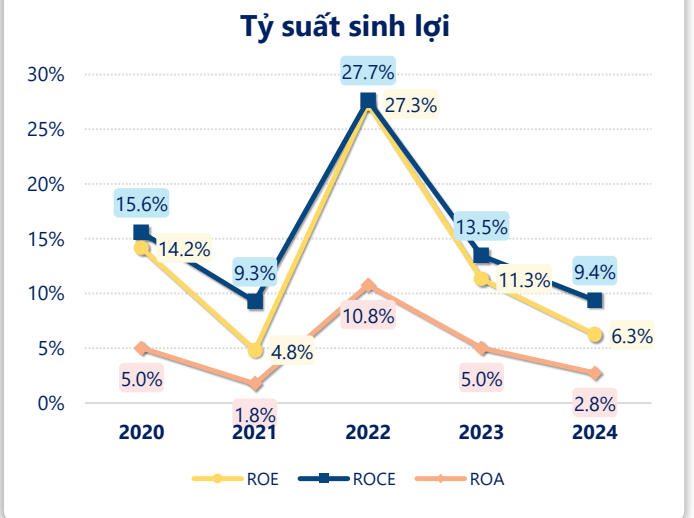


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **SGR** năm **2024 giảm đi 86.04** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 4.25 tỷ đồng. Đây là khoản **lỗ từ hoạt động kinh doanh lớn nhất 5 năm qua**. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

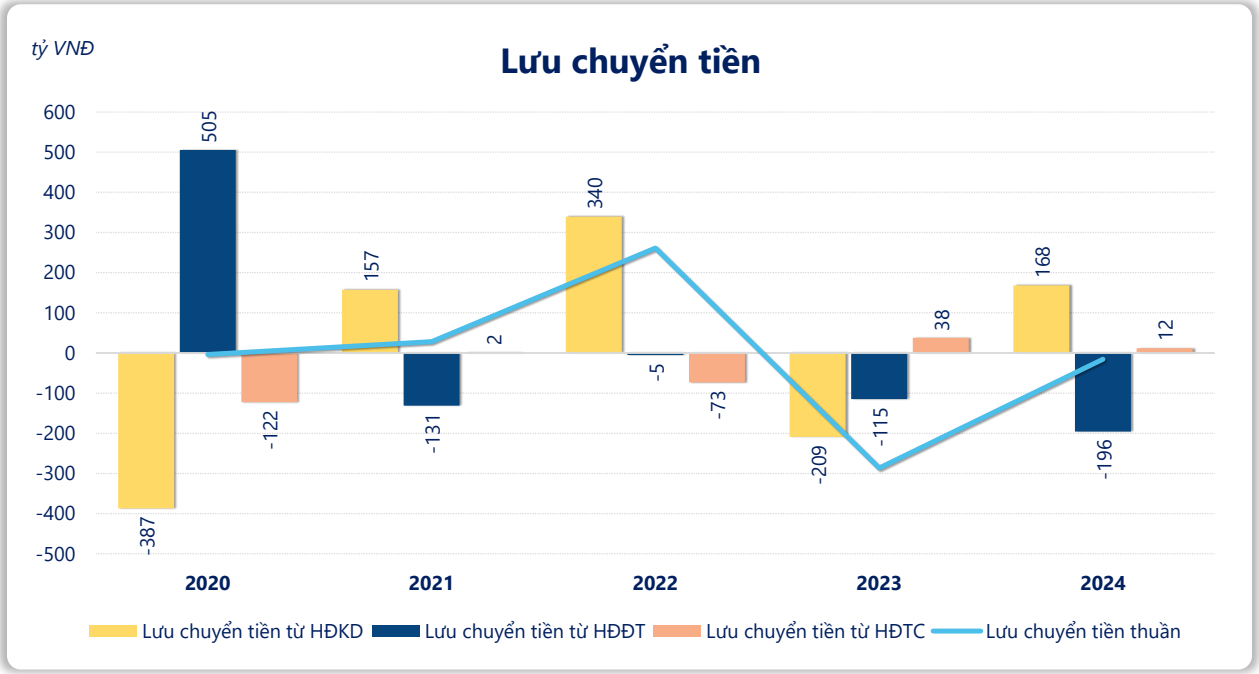
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **35.79** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **54.72** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **6.28** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SGR năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **6.26%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**76.6**	**173**	**654**	**99.2**	**151**
Giá vốn hàng bán	43.0	52.7	319	51.4	76.8
Lợi nhuận gộp	**33.6**	**120**	**336**	**47.8**	**74.6**
Doanh thu HĐTC	153	7.53	64.2	101	11.9
Chi phí TC	19.0	23.3	26.9	30.1	35.9
Chi phí lãi vay	**18.9**	**23.3**	**26.1**	**30.1**	**35.8**
LN trong công ty LKLD	-1.77	-0.81	-1.10	-0.79	-0.25
Chi phí bán hàng	0.66	0	0.42	0.33	0.12
Chi phí QLDN	39.8	37.0	108	35.9	54.6
LN thuần từ HĐKD	**125**	**66.6**	**263**	**81.8**	**-4.25**
Lợi nhuận khác	0.42	-0.50	-0.60	46.5	82.8
LN trước thuế	**126**	**66.1**	**263**	**128**	**78.6**
Lợi nhuận sau thuế	**102**	**46.7**	**216**	**103**	**60.1**
LNST của CĐ cty mẹ	**102**	**34.8**	**215**	**102**	**59.2**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SGR bằng **-15.88** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-286.4 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **168.1** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-195.7** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **11.64** tỷ đồng.